

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 103/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 89/9, đường L, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 601, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Huỷ hợp đồng uỷ quyền ngày 04/7/2022 giữa bên uỷ quyền là ông Trần Văn B, bên được uỷ quyền là bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 9, tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/7/2022 giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Văn B (uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị T), bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Đức Đ đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 9, diện tích 972,6m² tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 121.580.000 (một trăm hai mươi một triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 332.370.000 (ba trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Đức Đ có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn B đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 9, diện tích 972,6m² tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo quy định pháp luật để ông Trần Văn B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 9, diện tích 972,6m² tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm trả lại cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004758 ngày 07/3/2024 và 11.328.000 (mười một triệu ba trăm hai mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004757 ngày 07/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

+ Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự không có giá ngạch và 8.309.250 đồng (tám triệu ba trăm lẻ chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng là 8.609.250 (tám triệu sáu trăm lẻ chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

+ Ông Trần Văn B phải chịu là 3.039.500 (ba triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Gấm